

Mẫu CBTT-03 / trang 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin
trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT LIX**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý IV năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ 01.10.09	Số dư cuối kỳ 31.12.09
I	Tài sản ngắn hạn	253.157	246.017
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	90.313	120.388
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	100.124	48.867
4	Hàng tồn kho	60.612	68.578
5	Tài sản ngắn hạn khác	2.108	8.184
II	Tài sản dài hạn	14.452	50.031
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	13.782	12.632
	- Tài sản cố định hữu hình	12.720	11.575
	- Tài sản cố định vô hình	835	830
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	227	227
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
5	Tài sản dài hạn khác	670	37.399
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	267.609	296.048
IV	Nợ phải trả	86.054	97.229
1	Nợ ngắn hạn	81.988	93.299
2	Nợ dài hạn	4.066	3.930
V	Vốn chủ sở hữu	181.555	198.819
1	Vốn chủ sở hữu	180.646	197.991
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.000	90.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	-	-
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.062
	- Các quỹ	18.674	4.274
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	89.972	102.655
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-

Mẫu CBTT-03 / trang 2

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ 01.10.09	Số dư cuối kỳ 31.12.09
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	909	828
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	909	828
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	267.609	296.048

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	217.367	884.573
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	941	3.133
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	216.426	881.440
4	Giá vốn hàng bán	165.269	640.480
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.157	240.960
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7.265	13.661
7	Chi phí tài chính	993	3.378
8	Chi phí bán hàng	24.129	88.840
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.798	27.323
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	24.502	135.080
11	Thu nhập khác	111	522
12	Chi phí khác	-	5
13	Lợi nhuận khác	111	517
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.613	135.597
15	CP thuế thu nhập DN hiện hành	6.585	34.912
16	CP thuế thu nhập DN hoãn lại	(275)	(275)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.303	100.960
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)		
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 21 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc công ty

(đã ký: Lâm Văn Kiệt)